

Bản án số: 464/2021/DS-PT

Ngày: 17/5/2021

V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Lê Ngọc Tường

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền
2. Ông Lại Huỳnh Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 17/5/2021, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2021/TLPT-DS ngày 08/3/2021, về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 01/02/2021 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1746/2021/QĐ-PT ngày 20/4/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Ngọc N, sinh năm 1968

Địa chỉ: 2/7 đường DMC, phường TSN, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phan Thị Bích L, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: 239 đường LTK, Phường S, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số công chứng 001399 lập tại Văn phòng Công chứng Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 17 tháng 02 năm 2020).

2. *Bị đơn:* Bà Trương Thị Kim C, sinh năm 1971

Địa chỉ: 1D đường TVH, Phường ML, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Đinh Thị Kim O, sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ: 129 đường DQH, Phường B, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số công chứng 002951 lập tại Văn phòng Công chứng Đỗ Trí Tín, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 19 tháng 5 năm 2020).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Hồng Q, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: 1D đường TVH, Phường ML, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bà Trương Thị Kim C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 02 năm 2020 của nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc N và quá trình giải quyết vụ án, bà Phan Thị Bích L là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/9/2015, bà Võ Thị Ngọc N và bà Trương Thị Kim C có ký Văn bản thỏa thuận lập theo Vi bằng số 1076/VB-TPLQ1 ngày 01/9/2015 tại Văn phòng Thừa phát lại Quận 1. Theo đó bà C xác nhận có nợ bà N số tiền 750.000.000đ (bảy trăm năm mươi triệu đồng) với thời hạn vay 02 tháng kể từ ngày 01/9/2015, việc giao nhận tiền được các bên thực hiện tại nhà bà C. Cùng ngày bà C đã viết giấy xác nhận nợ, nội dung bà C xác nhận có mượn của bà N số tiền 750.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc 550.000.000 đồng lãi suất là 3%/năm và số tiền 200.000.000 đồng lãi suất là 10%/năm. Ngày 03/9/2015, tại nhà bà C thì bà N đã giao đủ số tiền vay 750.000.000 đồng và bà C ký xác nhận đã nhận đủ tiền vào trong Giấy xác nhận nợ ngày 01/9/2015. Khi đến hạn trả nợ bà C luôn tìm mọi cách hứa hẹn, sau đó bà C chỉ trả được tổng cộng số tiền gốc 38.000.000 đồng.

Bà C cho rằng, số tiền vay này là của con trai bà C vay của bà N và bà C đứng ra trả nợ thay cho con trai là không đúng sự thật. Do bà C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà N khởi kiện yêu cầu bà C phải trả số tiền 750.000.000đ (bảy trăm năm mươi triệu đồng). Tuy nhiên, tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 25/12/2020 và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà N rút yêu cầu đòi bà C trả số tiền nợ gốc 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng), chỉ yêu cầu bà C trả số tiền gốc 712.000.000đ (bảy trăm mười hai triệu đồng), yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bà Đinh Thị Kim O là người đại diện của bị đơn bà Trương Thị Kim C trình bày:

Vào năm 2015, con trai bà Trương Thị Kim C là ông Trần Thành T có vay của bà Võ Thị Ngọc N số tiền cả gốc và lãi là 550.000.000 đồng nhưng không có khả năng trả nợ. Do một phần vì thương con, một phần vì nhiều lần bị bà N đến nhà gây sức ép, đe dọa, ép buộc trả nợ thay cho con nên bà C đồng ý đứng ra nhận nợ thay cho con trai. Ngày 01/9/2015, bà N tiếp tục gây sức ép, cho người xuống nhà gây rối, ép buộc bà C ký Giấy xác nhận nợ viết tay đề ngày 01/9/2015 với số nợ gốc 750.000.000 đồng, lãi suất 10% (mặc dù Giấy xác nhận nợ ngày 01/9/2015 không thể hiện lãi suất theo tháng hay theo năm nhưng thực tế đây là lãi suất tháng do bà N yêu cầu ghi vào) và ép buộc bà C ký tên vào Vi bằng số 1076/VB-TPLQ1 ngày 01/9/2015 để ép bà C nhận nợ số tiền 750.000.000 đồng. Vì mong muốn được yên ổn làm ăn kiếm sống, chồng con lại bỏ đi, bản thân bị rơi vào thế yếu nên bà C mới ký tên vào giấy xác nhận nợ và Vi bằng trên.

Bà C xác nhận số tiền nợ gốc và lãi mà bà nhận thay cho ông Trung là 550.000.000 đồng. Từ năm 2015 đến cuối năm 2017, bà C nhiều lần trả lãi bằng tiền mặt cho bà N nhưng không có giấy tờ thể hiện việc trả lãi này, hơn nữa bà N cũng nhiều lần đến siết đồ đạc và nhiều tài sản có giá trị khác của bà C, tuy nhiên do bà C đã xác nhận nợ với bà N và coi như số tài sản trên được tính vào tiền lãi vay mà bà C có trách nhiệm trả nợ thay cho bà N.

Cuối năm 2017, bà C không còn tài sản khác nên bà C xin bà N cho trả nợ gốc mỗi tháng là 3.000.000 đồng và được bà N đồng ý, cụ thể bà C đã trả cho bà N được 09 lần với tổng số tiền gốc là 38.000.000 đồng, cụ thể: Lần 1 vào ngày 28/12/2017 trả 5.000.000 đồng, lần 2 vào ngày 30/01/2018 trả 3.000.000 đồng, lần 3 vào ngày 31/01/2018 trả 2.000.000 đồng, lần 4 vào ngày 05/3/2018 trả 10.000.000 đồng, lần 5 vào ngày 04/7/2018 trả 5.000.000 đồng, lần 6 vào ngày 30/7/2018 trả 4.000.000 đồng, lần 7 vào ngày 26/9/2018 trả 3.000.000 đồng, lần 8 vào ngày 29/10/2018 trả 3.000.000 đồng và lần 9 vào ngày 30/11/2018 trả 3.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền và Ủy nhiệm chi.

Bà C thừa nhận chỉ vay của bà N số tiền gốc 550.000.000 đồng, sau khi trừ đi số tiền gốc đã trả 38.000.000 đồng, như vậy bà C còn nợ bà N số tiền gốc 512.000.000 đồng. Bà C đồng ý trả số tiền 512.000.000 đồng cho bà N nhưng đề nghị được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng. Bà C xác định đây là khoản nợ riêng của bà C, không liên quan đến ông Trần Hồng Q.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Hồng Q trình bày:

Ông và bà Trương Thị Kim C là vợ chồng có đăng ký kết hôn. Việc vay mượn tiền giữa bà Võ Thị Ngọc N và bà Trương Thị Kim C thì ông không biết. Về tranh chấp giữa bà N với bà C liên quan đòi tài sản sẽ do hai người tự giải quyết với nhau, ông Quang không có ý kiến.

Tại bản án sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 01/02/2021, Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc N.

Buộc bà Trương Thị Kim C phải trả cho bà Võ Thị Ngọc N số tiền nợ gốc 712.000.000đ (bảy trăm mười hai triệu đồng). Thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả số tiền gốc 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng) của bà Võ Thị Ngọc N, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Trương Thị Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 32.480.000đ (ba mươi hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Võ Thị Ngọc N số tiền 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2019/0016156 ngày 16 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/02/2021, bà Trương Thị Kim C là bị đơn nộp đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Bị đơn bà Trương Thị Kim C ủy quyền cho bà Đinh Thị Kim O đại diện kháng cáo cho rằng: Việc bà C ký tên trên Giấy xác nhận nợ ngày 01/9/2015 là do bà Võ Thị Ngọc N cùng những người giang hồ đến nhà bà C gây rối, đe dọa và ép buộc bà C phải ký tên vào giấy xác nhận nợ nêu trên và Vi bằng số 1076/VB-TPLQ1 ngày 01/9/2015. Đồng thời, khoản vay nợ cả gốc và lãi 550.000.000 đồng là của con trai bà C là ông Trần Thành Tvay của bà N nhưng không có khả năng trả nợ, vì thương con bà C đứng ra nhận nợ thay cho ông Trung. Nay bà C xin trả lại số tiền 512.000.000 đồng cho bà N (do đã trả được 38.000.000 đồng cho bà N) nhưng xin trả dần số tiền 512.000.000 đồng, dưới hình thức mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên.

Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C. Sửa bản án sơ thẩm, bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà C trả cho bà N số tiền 512.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên.

+ Nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc N ủy quyền cho bà Phan Thị Bích L đại diện yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C và giữ nguyên án sơ thẩm.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật

tổ tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án. Đồng thời, các đương sự trong vụ án thực hiện các quyền và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ Giấy xác nhận nợ; Văn bản thỏa thuận và Vi bằng số 1076/VB-TPLQ1 do Văn phòng Thừa phát lại quận 1 lập cùng ngày 01/9/2015 có cơ sở xác định bà C nợ của bà N số tiền 750.000.000 đồng. Đồng thời, căn cứ Giấy nộp tiền của bà C tại Ngân hàng TMCP – Chi nhánh Tân Bình và lời thừa nhận của bà N là bà C đã trả được cho bà N số tiền 38.000.000 đồng. Do đó, án sơ thẩm buộc bà C phải trả cho bà N số tiền 712.000.000 đồng là có căn cứ.

Bà C kháng cáo cho rằng bị bà N đe dọa và ép buộc ký Giấy xác nhận nợ ngày 01/9/2015. Tuy nhiên, bà C không xuất trình được chứng cứ chứng minh bị bà N đe dọa và ép buộc ký giấy xác nhận nợ trên, nên bà N kháng cáo là không có căn cứ.

Căn cứ Giấy xác nhận nợ và Văn bản thỏa thuận cùng ngày 01/9/2015, bà C xác nhận có nợ của bà Võ Thị Ngọc N tổng số tiền là 750.000.000 đồng. Đồng thời, bà C không xuất trình được chứng cứ chứng minh số tiền nợ 550.000.000 đồng là tiền nợ của ông Nguyễn Thành Trung (con của bà C) vay của bà N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà C xin trả cho bà N số tiền 512.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên. Tuy nhiên, nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn trả số tiền 512.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ. Do đó, bà C kháng cáo là không có căn cứ.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trương Thị Kim C và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Hồng Q đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa phúc thẩm nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Hồng Q theo khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Theo Giấy xác nhận nợ ngày 01/9/2015 có nội dung: Bà Trương Thị Kim C có mượn của bà Võ Thị Ngọc N số tiền gốc 550.000.000 đồng, với lãi suất 3%/năm kể từ ngày hôm nay và số tiền 200.000.000 đồng với lãi suất 10%. Tổng số tiền là 750.000.000 đồng, lãi suất là 3%/tháng, còn 200.000.000 đồng, lãi suất là 10%, hẹn hai tháng tôi sẽ trả lại cho bà N nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Hai bên có làm Văn bản thỏa thuận tại Văn phòng Thừa phát lại Quận 1 (bút lục số 46).

[3] Theo Văn bản thỏa thuận ngày 01/9/2015 có nội dung: Bà Trương Thị Kim C xác nhận có nợ của bà Võ Thị Ngọc N tổng số tiền là 750.000.000 đồng.

Việc giao nhận tiền này các bên đã thực hiện tại nhà bà C, thời hạn vay phải trả là 02 tháng tính từ ngày ký văn bản này. Hết thời hạn 02 tháng, bà C không trả được số tiền nêu trên cho bà N thì bà C phải bán hoặc thế chấp căn nhà số 1D TVH, Phường ML, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01179/27007SCT/BS do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình cấp ngày 13/4/2007, để trả nợ số tiền 750.000.000 đồng cho bà N. Bà C cam kết trường hợp chồng bà C là ông Trần Hồng Q có tranh chấp gì về việc bà C nợ số tiền của bà N thì bà C vẫn hoàn toàn chịu trách nhiệm trả nợ cho bà N theo đúng thỏa thuận này (bút lục số 40).

[4] Theo Vi bằng số 1076/VB-TPLQ1 ngày 01/9/2015 của Văn phòng Thừa phát lại Quận 1 có nội dung: Thừa Phát lại Hoàng Trung Nghĩa có chứng kiến và ghi nhận có buổi làm việc giữa bà Võ Thị Ngọc N và bà Trương Thị Kim C. Sau buổi làm việc các bên lập văn bản thỏa thuận ngày 01/9/2015. Kèm theo Vi bằng này là Văn bản thỏa thuận lập ngày 01/9/2015 và hình ảnh ghi nhận sự việc (bút lục số 42 - 43).

[5] Bà Trương Thị Kim C ủy quyền cho bà Đinh Thị Kim O đại diện kháng cáo cho rằng: Việc bà C ký tên trên Giấy xác nhận nợ ngày 01/9/2015 là do bà Võ Thị Ngọc N cùng những người giang hồ đến nhà bà C gây rối, đe dọa và ép buộc bà C phải ký tên vào giấy xác nhận nợ nêu trên và Vi bằng số 1076/VB-TPLQ1 ngày 01/9/2015. Tuy nhiên, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh bà C bị đe dọa và bị ép buộc ký tên trên Giấy xác nhận nợ ngày 01/9/2015. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình thu thập tài liệu, chứng cứ là Biên bản ghi nhận của Công an Phường 15, quận Tân Bình lập vào đầu tháng 8/2016. Tòa án nhân dân quận Tân Bình ban hành công văn xác minh theo yêu cầu của đại diện bị đơn và tại Kết quả xác minh của Công an Phường 15, quận Tân Bình phúc đáp như sau: Tại thời điểm tháng 8/2016, không có ai trình báo sự việc trên tại số 1D TVH, Phường ML, quận TB. Do đó, bà C kháng cáo cho rằng bà N đe dọa và ép buộc bà ký tên trên Giấy xác nhận nợ ngày 01/9/2015 là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[6] Bà Trương Thị Kim C ủy quyền cho bà Đinh Thị Kim O đại diện kháng cáo cho rằng: khoản vay nợ cả gốc và lãi 550.000.000 đồng là của con trai bà C là ông Trần Thành Tvay của bà N nhưng không có khả năng trả nợ, nên bà C đứng ra nhận nợ thay cho ông Trung và thực tế, bà C không có nhận bất kỳ khoản tiền nào của bà N. Tuy nhiên, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh số tiền nợ 550.000.000 đồng là của ông Nguyễn Thành Trung (con của bà C) vay của bà N. Đồng thời, căn cứ Giấy xác nhận nợ; Văn bản thỏa thuận và Vi bằng số 1076/VB-TPLQ1 do Văn phòng Thừa phát lại quận 1 lập cùng ngày 01/9/2015, bà C xác nhận có nợ của bà Võ Thị Ngọc N tổng số tiền là 750.000.000 đồng và thời hạn trả nợ là 02 tháng kể từ ngày ký văn bản. Ngoài ra, căn cứ 09 Chứng từ giao dịch Giấy nộp tiền từ tháng 01/2018 đến tháng 11/2018 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Tân Bình thể hiện, bà Trương Thị Kim C là người nộp tiền vào tài khoản

của bà Võ Thị Ngọc N với nội dung là trả nợ gốc. Do đó, bà C kháng cáo cho rằng khoản tiền vay nợ 550.000.000 đồng là của ông Trung vay của bà N và bà C không có nhận tiền vay của bà N, là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Oanh đại diện theo ủy quyền của bà C xin trả lại cho bà N số tiền 512.000.000 đồng (do đã trả được 38.000.000 đồng cho bà N) nhưng xin trả dần số tiền 512.000.000 đồng dưới hình thức mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên. Tuy nhiên, bà Lê là người đại diện theo ủy quyền của bà N không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà C trả số tiền 512.000.000 đồng và trả dần mỗi tháng trả 5.000.000 đồng. Do đó, bà C kháng cáo xin trả số tiền 512.000.000 đồng và mỗi tháng trả 5.000.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[8] Án sơ thẩm, căn cứ Giấy xác nhận nợ; Văn bản thỏa thuận và Vi bằng số 1076/VB-TPLQ1 do Văn phòng Thừa phát lại Quận 1 lập cùng ngày 01/9/2015, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà C phải trả cho bà N số tiền nợ gốc là 712.000.000 đồng là có căn cứ nên giữ nguyên.

[9]] Án sơ thẩm tuyên thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực là không cần thiết và không đúng vì đương sự có quyền tự nguyện hoặc thỏa thuận thi hành án, trường hợp cần thiết thì phải cưỡng chế thi hành án.

[10] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trương Thị Kim C và giữ nguyên bản án sơ thẩm, là có căn cứ nên chấp nhận.

[11] Án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên bà C phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 164; khoản 1 Điều 166; Điều 463; khoản 1 Điều 466 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thị Kim C.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 01/02/2021 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc N.

Buộc bà Trương Thị Kim C phải trả cho bà Võ Thị Ngọc N số tiền nợ gốc 712.000.000đ (bảy trăm mười hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả số tiền gốc 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng) của bà Võ Thị Ngọc N, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2.3. Về án phí: Bà Trương Thị Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 32.480.000đ (ba mươi hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Võ Thị Ngọc N số tiền 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2019/0016156 ngày 16 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trương Thị Kim C chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do bà Trương Thị Kim C nộp theo Biên lai thu số 0069106 ngày 05/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THA DS quận Tân Bình;
- TAND quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Tường

